***Tuần 4 tiết 7 Ngày dạy: 28/09/2020***

**BÀI 3: THỰC HIỆN TÍNH TOÁN TRÊN TRANG TÍNH**

**I - MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Cung cấp cho HS cách đặt các phép tính đơn giản trên bảng tính.

- HS hiểu khái niệm ô, khối ô, địa chỉ ô.

**2. Kỹ Năng**

- HS biết sử dụng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên luỹ thừa, phần trăm trong tính toán trên bảng EXEL đơn giản.

- HS biết cách nhập công thức trong ô tính.

**3. Thái độ**

- Nghiêm túc ghi chép, cẩn thận trong quá trình thực hành phòng máy.

**4. Định hướng năng lực cần phát triển cho học sinh:**

- Năng lực sử dụng CNTT hỗ trợ học tập và công việc của bản thân.

- Năng lực làm việc, giải quyết vấn đề.

- Năng lực tính toán.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực về đạo đức hành vi phù hợp khi sử dụng CNTT.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Giáo trình, Phòng máy.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài ở nhà.

**III - PHƯƠNG PHÁP**

- Vấn Đáp; Thực hành.

**IV - TIẾN TRÌNH BÀI GIẢNG**

A - ỔN ĐỊNH (1’)

B - KIỂM TRA BÀI CŨ ( 5’ )

? HS1: Mở 1 bảng tính mới - > Lưu lại với tên Baitap1 trong Mydocument Sau đó lưu lại với tên khác là Baitap2. trong ổ D:\

(GV Quan sát HS thực hiện – nhận xét và cho điểm)

C - BÀI MỚI ( 35’ )

| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** | **GHI BẢNG** |
| --- | --- | --- |
| GV: Chương trình bảng tính có khả năng rất ưu việt đó là tính toán.  - Trong bảng tính ta có thể dùng các công thức để thực hiện các phép tính.  GV: Lấy VD: 3 + 5  GV: Giới thiệu các phép toán. Mỗi phép toán GV lấy 1 VD và lưu ý cho HS các ký hiệu phép toán.  + Vị trí của các phép toán trên bàn phím.  ? Trong toán học, ta có thứ tự thực hiện các phép tính như thế nào?  GV: Lấy VD: {(12 + 5)-8}\*2  GV: Yêu cầu HS quan sát H22 trong SGK.  GV vẽ hình minh hoạ lên bảng.  - Yêu cầu HS thực hành:  + Mở máy  + Chạy chương trình EXCEL  + Mở 1 File mới  + Gõ Công thức sau:  (40 – 12)/7+ ( 58+24)\*6  GV: Kiểm tra các bước thực hiện trên máy của HS  GV: Đưa ra chú ý cho HS:  Nếu chọn 1 ô không có công thức và quan sát *Thanh công thức*, em sẽ thấy nội dung trên thanh công thức giống với dữ liệu trong ô. Tuy nhiên, nếu trong ô đó có công thức, các nội dung này sẽ khác nhau. VD các em quan sát H23 SGK | HS: Nghe, quan sát GV làm mẫu và ghi chép vào vở.  HS: Trả lời.  HS quan sát H22 SGK và quan sát trên bảng  HS thực hành theo cặp trên máy.  HS: Chú ý lắng nghe. | **1. Sử dụng công thức để tính toán.**  - Trong bảng tính có thể sử dụng các phép tính +, - , \*, /, ^, % để tính toán.  - Trong bảng tính cũng cần phải thực hiện thứ tự phép tính:  + Với biểu thức có dấu ngoặc: Ngoặc ( ) 🡪 { }🡪 ngoặc nhọn.  + Các phép toán luỹ thừa -> phép nhân, phép chia 🡪 phép cộng, phép trừ.  **2. Nhập công thức**  - Để nhập công thức vào 1 ô cần làm như sau:  + Chọn ô cần nhập công thức  + Gõ dấu =  + Nhập công thức  + Nhấn Enter chấp nhận |

**D - CỦNG CỐ ( 3’ )**

? Để nhập một công thức vào 1 ô ta phải chú ý đến điều gì đầu tiên?

(Đánh dấu = trước công thức)

? Hãy nhập một công thức gồm các biểu thức có chứa phép toán cộng, trừ, nhân chia vào 1 ô. sau đó nhấn Enter để hoàn tất. Sau đó quan sát trên thanh công thức và so với dữ liệu trong ô vùa nhập.

**E - HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ ( 1’)**

- Đọc thông tin hướng dẫn SGK

- Chú ý các bước GV đã hướng dẫn.

- Luyện tập ở nhà nếu có điều kiện

**F- RÚT KINH NGHIỆM**

HS biết sử dụng các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên luỹ thừa, phần trăm trong tính toán trên bảng.HS biết cách nhập công thức trong ô tính.

***Bài thực hành 3***

***Tuần 24 tiết 8 Ngày dạy: 30/09/2020***

**BẢNG ĐIỂM CỦA EM**

**I - MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Học sinh sử dụng công thức trên trang tính.

**2. Kĩ năng**

- Học sinh biết nhập và sử dụng thành thạo các công thức tính toán đơn giản trên trang tính.

**3. Thái độ**

- Nghiêm túc khi sử dụng phong máy, có thái độ đúng đắn trong nhận thức về bộ môn.

**4. Định hướng năng lực cần phát triển cho học sinh:**

- Năng lực sử dụng CNTT hỗ trợ học tập và công việc của bản thân.

- Năng lực làm việc, giải quyết vấn đề.

- Năng lực tính toán.

- Năng lực hợp tác.

- Năng lực về đạo đức hành vi phù hợp khi sử dụng CNTT.

**II - CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phòng máy, giáo trình.

2. Học sinh: Học và chuẩn bị bài ở nhà.

**III - PHƯƠNG PHÁP**

Vấn đáp – Thực hành.

**IV - TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**A - ỔN ĐỊNH ( 1’ )**

**B - KIỂM TRA BÀI CŨ ( 5’ )**

Yêu cầu 2 – 3 HS mở máy 🡪 Mở bảng tính Excel và nhập một vài công thức.

GV: Quan sát, nhận xét và cho điểm.

**C - BÀI MỚI ( 3’ )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** | **GHI BẢNG** |
| GV: Chú ý cho HS: Nếu độ rộng của cột quá nhỏ, không hiển thị hết dãy số quá dài, em sẽ thấy ký hiệu ## trong ô. Khi đó cần tăng độ rộng của ô.  - Yêu cầu HS mở bảng tính Excel và sử dụng công thức để tính các giá trị sau trên trang tính:  GV: Quan sát quá trình thực hiện của HS và uốn nắn.  - Mở trang tính và nhập dữ liệu theo bảng sau:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | A | B | C | D | E | | 1 | 5 |  |  |  |  | | 2 |  | 8 |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  | | 4 |  |  | 12 |  |  | | 5 |  |  |  |  |  | | 6 |  |  |  |  |  |   (Đưa nội dung bài tập 3 trên bảng phụ)  ? Đọc yêu cầu của bài.  ? Nêu cách tính lãi suất hàng tháng, hàng năm.  ? Lập trang tính.  GV: Hướng dẫn HS lập công thức tính.  GV: Y/c HS: Mở bảng tính mới và lập bảng điểm của em như bảng dưới đây.  Lập công thức để tính điểm tổng kết của em theo từng môn học vào các ô tương ứng trong cột G. (Chú ý điểm tổng kết là trung bình cộng của các điểm kiểm tra sau khi đã nhân hệ số). | HS: Nghe và ghi chép vào vở.  - HS mở máy 🡪 Mở bảng tính Excel và thực hiện yêu cầu của BT1.  HS: Nêu cách tính.  HS: Thực hành  HS: Thực hành trực tiếp trên máy.  HS: Mở trang tính mới và thực hành. | 1. Bài 1  a. 20+ 5; 20 – 15; 20 x 15; 20/15.  b. 20 = 15 x 4; ( 20 + 15 ) x 4; 20 + (15 x 4 ).  c. 144/6 – 3 x 5;  144/6 – ( 3x 5 );  d. 152/4; ( 2+72)/7  2. Bài 2.  Tạo trang tính và nhập công thức   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | E | F | G | H | I | | 1 | =A1+5 | =A1\*5 | = A1+B2 | =A1\*B2 | =(A1+B2)\*C4 | | 2 | =A1\*C4 | =B2-A1 | =(A1+B2)-C4 | =(A1+B2)/C4 | =B2^A1-C4 | | 3 | =B2\*C4 | =(C4-A1)/B2 | =(A1+B2)/2 | =(B2+C4)/2 | =(A1+B2\*C4)/3 |   3. Bài 3  Thực hành lập và sử dụng công thức   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | A | B | C | D | E | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 | Tiền gửi | 5000000 |  | Tháng | Tiền trong sổ | | 3 |  |  |  | 1 |  | | 4 |  |  |  | 2 |  | | 5 |  |  |  | 3 |  | | 6 |  |  |  | 4 |  | | 7 |  |  |  | 5 |  | | 8 |  |  |  | 6 |  | | 9 |  |  |  | 7 |  | | 10 |  |  |  | 8 |  | | 11 |  |  |  | 9 |  | | 12 |  |  |  | 10 |  | | 13 |  |  |  | 11 |  | | 14 |  |  |  | 12 |  |   4. Bài tập 4  Thực hành lập bảng tính và sử dụng công thức   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | A | B | C | D | E | F | G | | Bảng điểm của em | | | | | |  |  | | 2 | STT | Môn học | KT 15’ | KT 1 tiết lần 1 | KT 1 tiết lần 2 | KT HK | DTK | | 3 | 1 | Toán | 8 | 7 | 9 | 10 |  | | 4 | 2 | V.Lý | 8 | 8 | 9 | 9 |  | | 5 | 3 | L.Sử | 8 | 8 | 9 | 7 |  | | 6 | 4 | Sinh | 9 | 10 | 9 | 10 |  | | 7 | 5 | C.N | 8 | 6 | 8 | 8 |  | | 8 | 6 | Tin | 8 | 9 | 9 | 9 |  | | 9 | 7 | Văn | 7 | 6 | 8 | 8 |  | | 10 | 8 | GDCD | 8 | 9 | 9 | 9 |  | |

**D - CỦNG CỐ (3’)**

- Cách nhập công thức?

- Cách tính điểm TB môn học.

**E - HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (1’)**

- Xem lại cách nhập các bảng tính.

- Thực hành (nếu có điều kiện)

- Xem trước bài mới.

**F- RÚT KINH NGHIỆM**

Đa số học sinh biết nhập và sử dụng thành thạo các công thức tính toán đơn giản trên trang tính. Tuy nhiên còn một vài học sinh đánh máy chậm. Yêu cầu về nhà luyện tập thêm cách đánh máy